CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL (UPCOM: TDS)

FireAnt

Ngày 31/03/2025	10,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.8%	**-4.7%**	**-12.9%**

ROE — 2024: **0.2%** | +/- YoY ▼ 2.7%

DT thuần — *Q1/25*: **401** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 28.0 ▼ 6.5% | YoY ▲ 62.0 ▲ 18.3%

DT thuần — *2024*: **1,497** *tỷ VNĐ* | YoY ▲ 101 ▲ 7.2%

LN gộp — *Q1/25*: **16.7** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 2.80 ▼ 14.3% | YoY ▲ 4.70 ▲ 39.3%

LN gộp — *2024*: **40.0** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 8.30 ▼ 17.1%

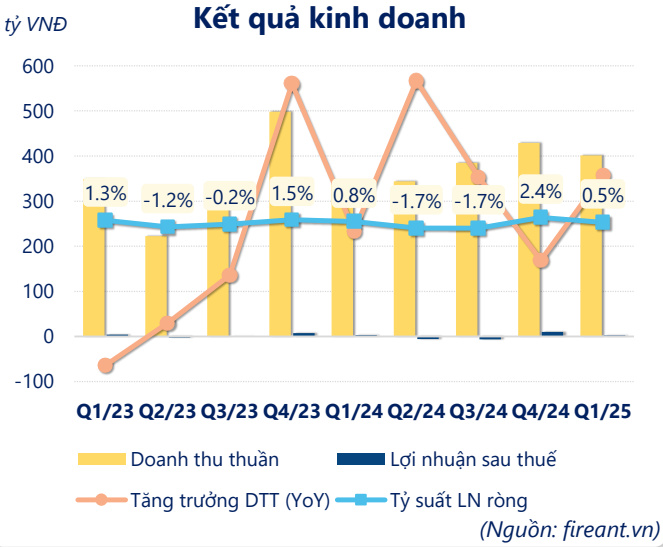
LN thuần — *Q1/25*: **2.70** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 7.80 ▼ 74.3% | YoY ▲ 3.12 ▲ 743%

LN thuần — *2024*: **-2.99** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 12.2 ▼ 132%

LN sau thuế — *Q1/25*: **2.16** *tỷ VNĐ* | QoQ ▼ 8.04 ▼ 78.8% | YoY ▼ 0.60 ▼ 21.7%

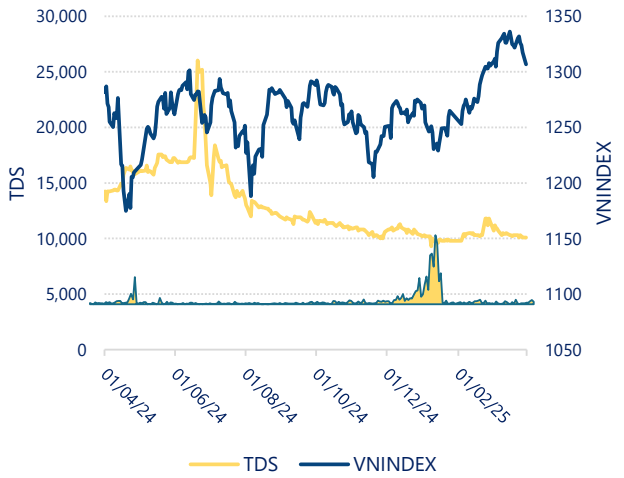
LN sau thuế — *2024*: **0.52** *tỷ VNĐ* | YoY ▼ 8.09 ▼ 94.0%

Kết quả kinh doanh



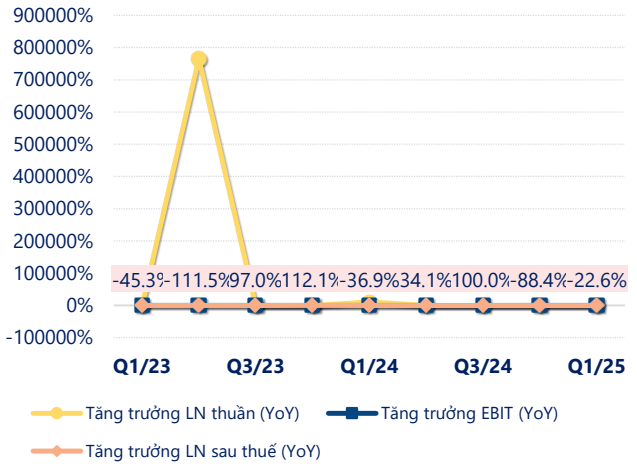
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



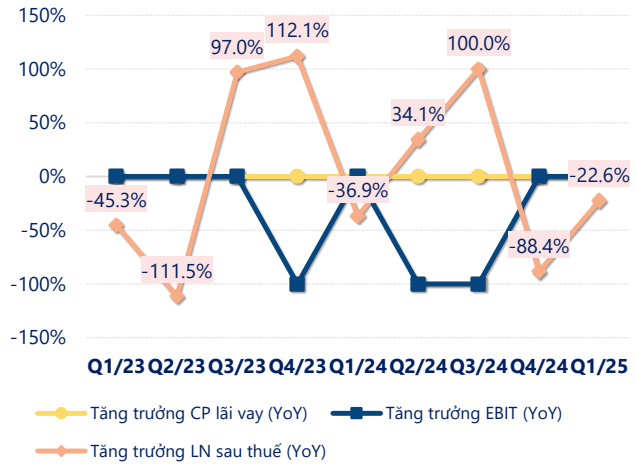
CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL (UPCOM: TDS)

Tăng trưởng lợi nhuận



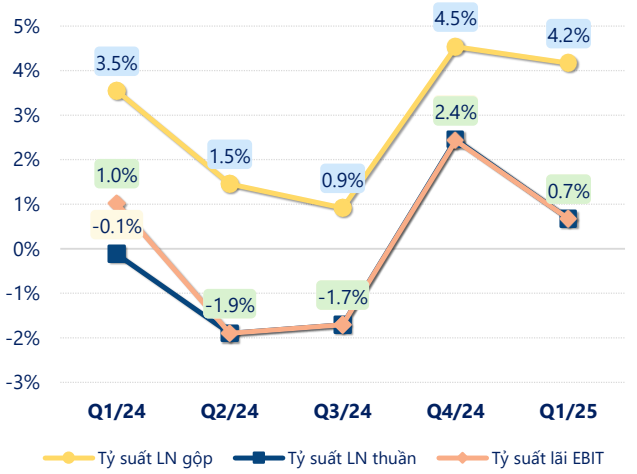
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



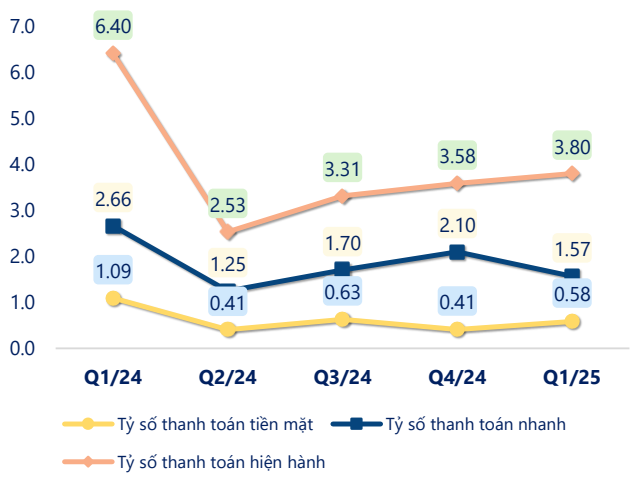
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



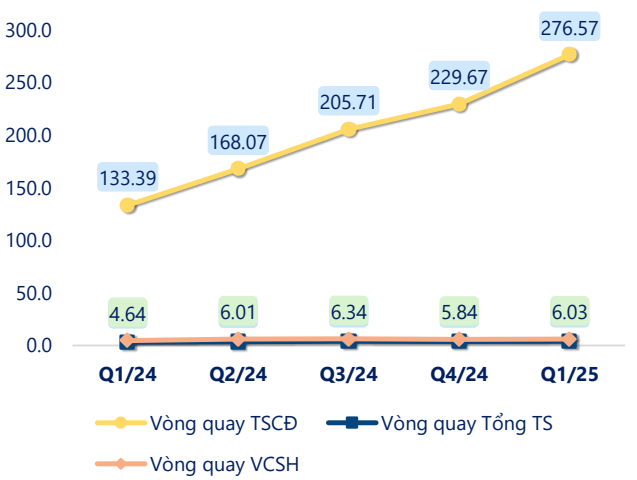
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



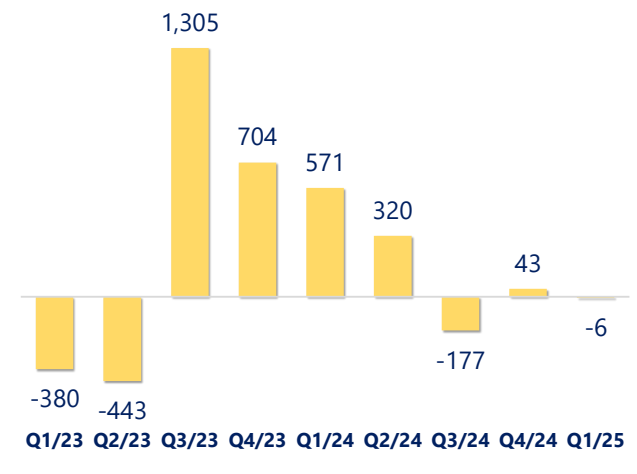
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

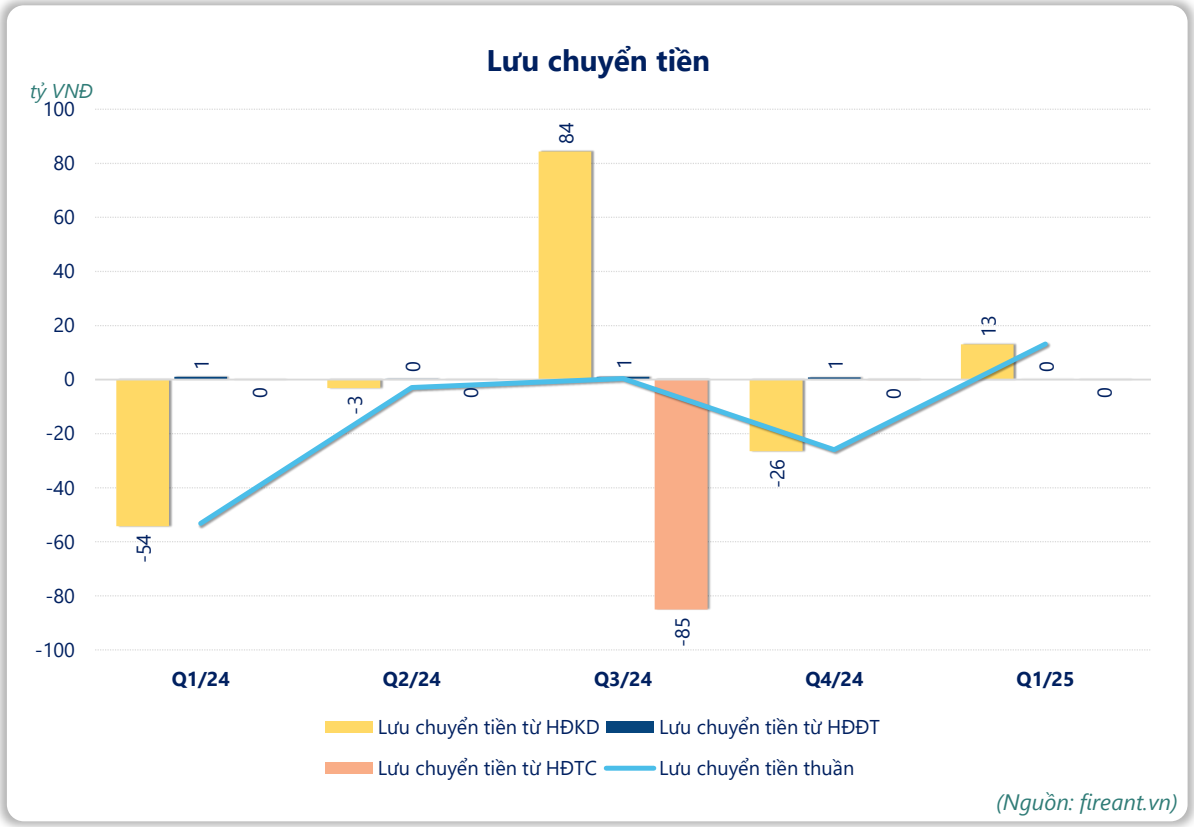


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thép Thủ Đức - VNSTEEL (UPCOM: TDS)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**401**	**339**	**18.3%**	**1,497**	**1,396**	**7.2%**
Giá vốn hàng bán	384	327	17.6%	1,457	1,348	8.1%
Lợi nhuận gộp	16.7	12.0	39.3%	40.0	48.3	-17.1%
Doanh thu HĐTC	1.18	0.75	56.7%	4.98	2.20	126%
Chi phí TC	0.13	0.00		0.14	1.04	-86.1%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00	0.96	-100.0%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.08	2.84	8.4%	12.3	9.28	32.1%
Chi phí QLDN	**12.0**	**10.3**	**16.2%**	**35.6**	**30.9**	**15.1%**
LN thuần từ HĐKD	2.70	-0.42	743%	-2.99	9.24	-132%
Lợi nhuận khác	**0**	**3.87**	**-100%**	**3.77**	**1.67**	**126%**
LN trước thuế	2.70	3.46	-21.9%	0.79	10.9	-92.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.16**	**2.76**	**-21.7%**	**0.52**	**8.61**	**-94.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.16**	**2.76**	**-21.7%**	**0.52**	**8.61**	**-94.0%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)